

Số: 06 /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 36/2014/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN:

1. Bổ sung vào cuối điểm a khoản 15 Điều 3 như sau:

“(xi) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

(xii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty, tổ chức tín dụng;

(xiii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ của công ty hoặc tổ chức tín dụng này.”

2. Bổ sung điểm i vào khoản 18 Điều 3 như sau:

“i) Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để khách hàng ủy thác cho tổ chức, cá nhân mua cổ phiếu.”

3. Bổ sung các khoản 19, 20, 21, 22, 23 và khoản 24 vào Điều 3 như sau:

“19. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

20. Ngân hàng thương mại nhà nước là ngân hàng thương mại được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

21. Tổ chức tài chính được xác định theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền.

22. Tổ chức tài chính ở nước ngoài là các tổ chức tài chính được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

23. Nguồn vốn ngắn hạn bình quân của tháng được tính bằng tổng cộng các số dư nguồn vốn ngắn hạn cuối mỗi ngày trong tháng chia cho tổng số ngày trong tháng.

24. Giao dịch mua, bán giấy tờ có giá có kỳ hạn là giao dịch mua hoặc bán giấy tờ có giá kèm theo điều kiện chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán và cam kết sẽ bán lại hoặc mua lại giấy tờ có giá đó sau một khoảng thời gian nhất định.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu chưa niêm yết của doanh nghiệp”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 12 như sau :

“a) Tổ chức kiểm toán (bao gồm doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam), kiểm toán viên (bao gồm kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên Nhà nước) đang kiểm toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thanh tra viên đang thanh tra tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 13 như sau:

“c) Các khoản cho vay có bảo đảm đầy đủ về thời hạn và giá trị bằng tiền gửi tiết kiệm của cá nhân tại thời điểm cho vay;”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 13 như sau:

“h) Các khoản bảo lãnh và cam kết phát hành dưới các hình thức tín dụng chứng từ có bảo đảm đầy đủ về thời hạn và giá trị bằng tiền gửi đồng Việt Nam, ngoại tệ; vàng; trái phiếu Chính phủ của bên được bảo lãnh và/hoặc bên thứ ba tại thời điểm cấp bảo lãnh và/hoặc cam kết. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định giá trị cụ thể của tài sản bảo đảm nhưng bảo đảm giá trị tối đa theo nguyên tắc sau đây:

(i) Tiền gửi bằng đồng Việt Nam: 100% số tiền gửi được sử dụng để bảo đảm cho các khoản bảo lãnh và cam kết phát hành đó;

(ii) Tiền gửi bằng ngoại tệ: 95% số tiền gửi được sử dụng để bảo đảm cho các khoản bảo lãnh và cam kết phát hành đó;

(iii) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại tiết (iv) điểm này: 95% giá trị tính theo giá mua vào được niêm yết tại trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sở hữu nhãn hiệu vàng miếng tại thời điểm cuối ngày liền trước ngày xác định giá trị;

(iv) Vàng miếng không có giá mua vào được niêm yết, vàng khác: 30% giá trị tính theo giá được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá tại thời điểm gần nhất trước ngày xác định giá trị tài sản bảo đảm hoặc theo giá được định giá bởi quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá;

(v) Trái phiếu Chính phủ: 95% giá trị trái phiếu Chính phủ có thời hạn còn lại dưới 1 năm hoặc 85% giá trị trái phiếu Chính phủ có thời hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 5 năm hoặc 80% giá trị trái phiếu Chính phủ có thời hạn còn lại từ 5 năm trở lên. Giá trị trái phiếu Chính phủ được tính theo mệnh giá tại ngày xác định giá trị.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Ngân hàng thương mại không được cấp tín dụng, ủy thác cho công ty con, công ty liên kết của chính ngân hàng thương mại đề:

a) Đầu tư, kinh doanh cổ phiếu;

b) Cho vay để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 14 như sau:

“6. Ngân hàng thương mại không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu của chính ngân hàng thương mại, trừ trường hợp ngân hàng thương mại nhà nước cho vay đối với người lao động của chính ngân

hàng thương mại nhà nước đó để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển ngân hàng thương mại nhà nước đó thành ngân hàng thương mại cổ phần.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 15 như sau:

“b) Tỷ lệ dự trữ thanh khoản được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (\%)} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Tổng Nợ phải trả}} \times 100$$

Trong đó:

(i) Tài sản có tính thanh khoản cao được quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này;

(ii) Tổng Nợ phải trả là khoản mục Tổng Nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán trừ đi các khoản vay Ngân hàng Nhà nước (bao gồm bán có kỳ hạn giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở; chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá, vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng) và khoản vay các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 như sau:

“d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản tối thiểu như sau:

(i) Ngân hàng thương mại: 10%;

(ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 10%;

(iii) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 1%;

(iv) Ngân hàng hợp tác xã: 10%.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 15 như sau:

“b) Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (\%)} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \times 100$$

Trong đó:

(i) Tài sản có tính thanh khoản cao được quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này;

(ii) Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo là chênh lệch giữa dòng tiền ra của 30 ngày liên tiếp kể từ ngày hôm sau và dòng tiền vào của 30 ngày liên tiếp kể từ ngày hôm sau được quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này.

c) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định dòng tiền ra ròng đối với đồng Việt Nam trong 30 ngày tiếp theo là dương, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày quy định tại điểm b khoản này đối với đồng Việt Nam tối thiểu như sau:

- (i) Ngân hàng thương mại: 50%;
- (ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 50%;
- (iii) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 20%;
- (iv) Ngân hàng hợp tác xã: 50%.”

d) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định dòng tiền ra ròng đối với ngoại tệ trong 30 ngày tiếp theo là dương, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày quy định tại điểm b khoản này đối với ngoại tệ tối thiểu như sau:

- (i) Ngân hàng thương mại: 10%;
- (ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 5%;
- (iii) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 5%;
- (iv) Ngân hàng hợp tác xã: 5%.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Trường hợp kết quả tính toán tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của ngày hôm sau của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đảm bảo theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 15 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đồng thời thực hiện giám sát về khả năng chi trả. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải áp dụng ngay biện pháp tự xử lý, bao gồm: vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, vay của tổ chức tài chính nước ngoài hoặc ký kết với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, với tổ chức tài chính nước ngoài các cam kết gửi tiền có kỳ hạn không thể hủy ngang, cam kết vay không thể hủy ngang và các biện pháp không thể hủy ngang khác để đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng các biện pháp tự xử lý nói trên ở mức từ 20% trở lên của tài sản có tính thanh khoản cao, Ngân hàng Nhà nước áp dụng bổ sung các biện pháp giám sát và xử lý theo quy định của pháp luật.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau: